

Số: 21 /BC - UBND

Phúc Thọ, ngày 14 tháng 01 năm 2026

BÁO CÁO

Công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã 12 tháng năm 2025

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dữ trữ Quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29/11/2024;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Văn bản số 4026/UBND-KT ngày 22/8/2017 của UBND Thành phố về việc thực hiện công khai ngân sách theo quy định Luật NSNN năm 2015.

Ủy ban nhân dân xã Phúc Thọ báo cáo công khai số liệu và thuyết minh thực hiện dự toán ngân sách xã 12 tháng năm 2025 như sau:

Phần A: Công khai số liệu chi tiết theo phụ biểu 113/CK TC - NSNN; 114/CK TC - NSNN; 115/CK TC - NSNN đính kèm.

Phần B: Công khai thuyết minh.

I. THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 12 tháng năm 2025 được 12.778.501 nghìn đồng, bằng 111% dự toán HĐND xã giao, trong đó:

1. Lệ phí trước bạ nhà đất thực hiện 12 tháng năm 2025: 8.238.894 nghìn đồng, bằng 143% dự toán.

2. Thu các khoản phí, lệ phí thực hiện 12 tháng năm 2025: 489.421 nghìn đồng 280% dự toán.

3. Lệ phí môn bài thực hiện 12 tháng năm 2025: 173.250 nghìn đồng, bằng 106% dự toán.

4. Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác thực hiện 12 tháng năm 2025: 1.692.192 nghìn đồng, bằng 40% dự toán.

5. Thu từ thuế sử dụng đất phi nông nghiệp thực hiện 12 tháng năm 2025: 1.227.286 nghìn đồng bằng 115% dự toán.

6. Thu khác thực hiện 12 tháng năm 2025: 957.458 nghìn đồng, bằng 665% dự toán.

II. THU NGÂN SÁCH XÃ

Tổng thu ngân sách xã thực hiện 12 tháng năm 2025: 530.072.104 nghìn đồng, bằng 141% dự toán giao.

1. Thu ngân sách xã được hưởng theo phân cấp thực hiện 12 tháng năm 2025: 12.778.501 nghìn đồng, bằng 111% dự toán.

2. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên thực hiện 12 tháng năm 2025: 509.731.184 nghìn đồng, bằng 140% dự toán, *trong đó:*

- Thu bổ sung cân đối ngân sách: 44.206.000 nghìn đồng, bằng 100% dự toán.

- Thu bổ sung mục tiêu ngân sách: 465.525.184 nghìn đồng, bằng 145 % dự toán.

3. Thu chuyển nguồn ngân sách 2024 sang 2025: 6.374.395 nghìn đồng.

4. Thu kết dư ngân sách xã năm 2024: 1.188.024 nghìn đồng.

III. CHI NGÂN SÁCH XÃ

1. Chi đầu tư phát triển:

Tổng chi đầu tư ngân sách xã thực hiện 12 tháng năm 2025: 1.185.787 nghìn đồng. (Chi từ nguồn chuyển nguồn năm 2024 sang 2025 của các xã cũ)

2. Chi thường xuyên.

Tổng chi ngân sách xã thực hiện 12 tháng 2025: 457.525.463 nghìn, bằng 122% dự toán HĐND xã giao, *trong đó:*

- Chi Quốc phòng thực hiện 12 tháng năm 2025: 5.301.901 nghìn đồng, bằng 101% dự toán.

- Chi an ninh thực hiện 12 tháng năm 2025: 6.095.912 nghìn đồng, bằng 124% dự toán.

- Chi sự nghiệp giáo dục thực hiện 12 tháng năm 2025: 220.951.719 nghìn đồng, bằng 100% dự toán.

- Chi sự nghiệp y tế thực hiện 12 tháng năm 2025: 16.575.852 nghìn đồng, bằng 141% dự toán.

- Chi sự nghiệp văn hóa thông tin thực hiện 12 tháng năm 2025: 11.148.092 nghìn đồng, bằng 103% dự toán.

- Chi phát thanh, truyền thanh thực hiện 12 tháng năm 2025: 1.134.327 nghìn đồng, bằng 141% dự toán.

- Chi thể dục thể thao thực hiện 12 tháng năm 2025: 2.494.987 nghìn đồng, bằng 248% dự toán.

- Chi sự nghiệp môi trường thực hiện 12 tháng năm 2025: 325.082 nghìn đồng, bằng 43% dự toán.

- Chi các hoạt động kinh tế thực hiện 12 tháng năm 2025: 8.497.834 nghìn đồng, bằng 102%, dự toán.

- Chi sự nghiệp xã hội thực hiện 12 tháng năm 2025: 42.890.461 nghìn đồng, bằng 182% dự toán.

- Chi Quản lý hành chính, Đảng, Đoàn thể thực hiện 12 tháng năm 2025: 140.823.104 nghìn đồng, bằng 162% dự toán:

- Chi khác ngân sách thực hiện 12 tháng năm 2025: 1.286.192 nghìn đồng (Nộp trả TK 5% chuyển nguồn từ năm 2024 sang năm 2025, nộp trả thu hồi khoản chi năm trước)

Đánh giá chung:

*** Về thu ngân sách nhà nước trên địa bàn:**

Công tác thu ngân sách được xã quan tâm chỉ đạo ngay từ khi giao dự toán. UBND xã đã phối hợp chặt chẽ với Thuế cơ sở 25, Phòng giao dịch số 12 - KBNN khu vực I đôn đốc thực hiện các khoản thu; chủ động tham mưu, đề xuất các giải pháp kịp thời trong công tác thu.

Chỉ tiêu thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác đạt 40% về tổng thể thấp, tuy nhiên trong dự toán giao có 2,5 tỷ thu từ đền bù thiệt hại khi nhà nước thu hồi đất. Năm 2025 số giao này không đạt do theo Khoản 1 Điều 107 Luật đất đai năm 2024 thì đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích không được bồi thường về đất chỉ được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại. Thu từ hợp đồng cho thuê đất công, công ích được 1.692.192 nghìn đồng đạt 100% dự toán giao.

Thu khác ngân sách 12 tháng năm 2025 đạt cao 665% do thu hồi các khoản chi năm trước, tiền chậm nộp các khoản khác điều tiết 100% ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật ngành thuế quản lý.

*** Chi ngân sách xã**

Công tác quản lý điều hành ngân sách được kiểm soát chặt chẽ, theo đúng Luật ngân sách năm 2015 và các quy định hiện hành, công tác quản lý điều hành ngân sách được thực hiện theo chỉ đạo của Thành phố đảm bảo bám sát với yêu cầu nhiệm vụ của xã; cân đối thu, chi ngân sách được chú trọng đã đáp ứng các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của xã trong năm 2025.

Mặt khác ngay từ khâu giao dự toán UBND xã đã chỉ đạo các phòng, ban, đơn vị dự toán triển khai các nhiệm vụ chi theo dự toán HĐND xã giao cũng như các khoản phát sinh được bổ sung. Vì vậy, việc chi ngân sách đã đảm bảo chi lương, phụ cấp và các khoản đóng góp đối với cán bộ công chức, viên chức và người lao động, đồng thời đảm bảo các khoản chính sách an sinh xã hội, các nhiệm vụ chính trị, văn hóa của xã, các nhiệm vụ trọng tâm trong năm.

Trên đây là báo cáo công khai số liệu và thuyết minh thực hiện dự toán ngân sách xã 12 tháng năm 2025./.

Nơi nhận: *[Handwritten mark]*

- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực HĐND xã; (để b/c)
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Các phòng, ban đơn vị thuộc xã;
- Lưu VT, KT. *[Handwritten mark]*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN *[Handwritten mark]*
CHỦ TỊCH



[Handwritten signature]
Kiều Trọng Sỹ

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ 12 THÁNG NĂM 2025

Đơn vị: 1000 đồng

| STT | NỘI DUNG | DỰ TOÁN NĂM 2025 (Giao đầu năm) | THỰC HIỆN 12 THÁNG NĂM 2025 | SỐ SÁNH (%) |
|-----------|--|------------------------------------|--------------------------------|-------------------|
| A | B | 1 | 2 | 3=2/1 |
| I | TỔNG SỐ THU | 376.510.000 | 530.072.104 | 141 |
| 1 | Các khoản thu xã hưởng 100% | 4.509.000 | 3.139.071 | 70 |
| 2 | Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1) | 6.992.000 | 9.639.430 | 138 |
| 3 | Thu bổ sung | 365.009.000 | 509.731.184 | 140 |
| | - Thu bổ sung cân đối | 44.206.000 | 44.206.000 | 100 |
| | - Thu bổ sung có mục tiêu | 320.803.000 | 465.525.184 | 145 |
| 4 | Thu chuyển nguồn | | 6.374.395 | |
| 5 | Thu kết dư ngân sách năm trước | | 1.188.024 | |
| II | TỔNG SỐ CHI | 376.510.000 | 458.711.250 | 122 |
| 1 | Chi đầu tư phát triển | 2.500.000 | 1.185.787 | 47 |
| 2 | Chi thường xuyên | 372.850.000 | 457.525.463 | 123 |
| 3 | Dự phòng | 1.160.000 | | 0 |

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thuế, lệ phí luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng dùng để phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ 12 THÁNG NĂM 2025

Đơn vị: 1000 đồng

| STT | NỘI DUNG | DỰ TOÁN NĂM 2025 (Giao đầu năm) | | THỰC HIỆN 12 THÁNG NĂM 2025 | | SO SÁNH (%) | |
|------------|---|------------------------------------|--------------------|--------------------------------|--------------------|-------------|------------|
| | | THU NSNN | THU NSX | THU NSNN | THU NSX | THU NSNN | THU NSX |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5=3/1 | 6=4/2 |
| | TỔNG THU | 11.501.000 | 376.510.000 | 12.778.501 | 530.072.104 | 111 | 141 |
| I | Các khoản thu 100% | 4.509.000 | 4.509.000 | 3.139.071 | 3.139.071 | 70 | 70 |
| | Phí, lệ phí | 175.000 | 175.000 | 489.421 | 489.421 | 280 | 280 |
| | Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác | 4.190.000 | 4.190.000 | 1.692.192 | 1.692.192 | 40 | 40 |
| | <i>Trong đó: Thu đền bù thiệt hại khi nhà nước thu hồi đất</i> | <i>2.500.000</i> | <i>2.500.000</i> | | | 0 | 0 |
| | Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp | | | | | | |
| | Thu phạt, tịch thu khác theo quy định | | | | | | |
| | Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định | | | | | | |
| | Đóng góp của nhân dân theo quy định | | | | | | |
| | Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân | | | | | | |
| | Thu khác | 144.000 | 144.000 | 957.458 | 957.458 | 665 | 665 |
| II | Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) | 6.992.000 | 6.992.000 | 9.639.430 | 9.639.430 | 138 | 138 |
| 1 | Các khoản thu phân chia | 6.992.000 | 6.992.000 | 9.639.430 | 9.639.430 | 138 | 138 |
| | - Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp | 1.063.000 | 1.063.000 | 1.227.286 | 1.227.286 | 115 | 115 |
| | - Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình | 0 | | | | | |
| | - Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh | 163.000 | 163.000 | 173.250 | 173.250 | 106 | 106 |
| | - Lệ phí trước bạ nhà, đất | 5.766.000 | 5.766.000 | 8.238.894 | 8.238.894 | 143 | 143 |
| 2 | Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định | | | | | | |
| III | Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có) | | | | | | |
| IV | Thu chuyển nguồn | | | | 6.374.395 | | |
| V | Thu kết dư ngân sách năm trước | | | | 1.188.024 | | |
| VI | Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên | | 365.009.000 | 0 | 509.731.184 | | 140 |
| | - Thu bổ sung cân đối | | 44.206.000 | | 44.206.000 | | 100 |
| | - Thu bổ sung có mục tiêu | | 320.803.000 | | 465.525.184 | | 145 |

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 12 THÁNG NĂM 2025

Đơn vị: 1000 đồng

| STT | NỘI DUNG | DỰ TOÁN NĂM 2025 (Giao đầu năm) | | | | THỰC HIỆN 12 THÁNG | | | | SO SÁNH (%) | |
|-----|---|------------------------------------|----------|--------------------|--------------------|--------------------|--------------------|---------|-------|-------------|---------|
| | | TỔNG SỐ | XDCB | TX | TỔNG SỐ | XDCB | TX | TỔNG SỐ | XDCB | TX | TỔNG SỐ |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7=4/1 | 8=5/2 | 10=6/3 | |
| | TỔNG CHI | 376.510.000 | - | 376.510.000 | 458.711.250 | 1.185.787 | 457.525.463 | 122 | | 122 | |
| | <i>Trong đó</i> | | | | | | | | | | |
| 1 | Chi Quốc phòng | 5.260.426 | | 5.260.426 | 5.301.901 | | 5.301.901 | 101 | | 101 | |
| 2 | Chi an ninh | 4.914.242 | | 4.914.242 | 6.095.912 | | 6.095.912 | 124 | | 124 | |
| 3 | Chi giáo dục | 221.432.078 | | 221.432.078 | 220.951.719 | | 220.951.719 | 100 | | 100 | |
| 4 | Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ | - | | - | - | | | | | | |
| 5 | Chi y tế | 11.736.831 | | 11.736.831 | 16.575.852 | | 16.575.852 | 141 | | 141 | |
| 6 | Chi văn hóa, thông tin | 10.851.416 | | 10.851.416 | 11.148.092 | | 11.148.092 | 103 | | 103 | |
| 7 | Chi phát thanh, truyền thanh | 802.485 | | 802.485 | 1.134.327 | | 1.134.327 | 141 | | 141 | |
| 8 | Chi thể dục thể thao | 1.004.680 | | 1.004.680 | 2.494.987 | | 2.494.987 | 248 | | 248 | |
| 9 | Chi bảo vệ môi trường | 754.858 | | 754.858 | 325.082 | | 325.082 | 43 | | 43 | |
| 10 | Chi các hoạt động kinh tế | 8.314.742 | | 8.314.742 | 9.663.621 | 1.165.787 | 8.497.834 | 116 | | 102 | |
| 11 | Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể | 86.696.229 | | 86.696.229 | 140.843.104 | 20.000 | 140.823.104 | 162 | | 162 | |
| 12 | Chi cho công tác xã hội | 23.582.013 | | 23.582.013 | 42.890.461 | | 42.890.461 | 182 | | 182 | |
| 13 | Chi khác | - | | - | 1.286.192 | | 1.286.192 | | | | |
| 14 | Dự phòng ngân sách | 1.160.000 | | 1.160.000 | - | | | | | | |